

Bản án số: 46/2018/HS-ST
Ngày 30-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Phương

Thẩm phán: Ông Cao Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Ông Nguyễn Đức Mạnh

Bà Nguyễn Thị Luyến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 242/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Hoàng Anh D, sinh ngày 10 tháng 02 năm 1978 tại thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ dân phố A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Giám đốc kinh doanh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: E và bà F; có vợ là G và 3 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 17 tháng 11 năm 2014 chuyển tạm giam ngày 25 tháng 11 năm 2014 đến ngày 17 tháng 12 năm 2015 được thay đổi biện pháp ngăn chặn từ tạm giam thành biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Anh D: Ông Nguyễn Xuân T - Luật sư Văn phòng luật sư H- Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị hại: Ngân hàng thương mại cổ phần I; trụ sở chính: Số 108 đường K, quận L, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông M- Chức vụ Chủ

tịch Hội đồng quản trị; người đại diện theo ủy quyền: ông N- Chức vụ Trưởng phòng bán lẻ - Ngân hàng thương mại cổ phần I- Chi nhánh C; địa chỉ: Số 193 đường O, phường P, quận C, thành phố Hải Phòng (theo văn bản ủy quyền số 209/UQ-HĐQT-NHCN18 ngày 15/3/2018); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Anh D là Giám đốc Công ty đầu tư thương mại Q (viết tắt là Công ty Q), được thành lập từ năm 2008, hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh nhôm định hình, nhôm hộp. Để có vốn phục vụ kinh doanh, D đã ký nhiều hợp đồng vay tiền của Ngân hàng thương mại cổ phần I - chi nhánh C với hình thức vay tiền có tài sản đảm bảo của người thứ ba. Ngoài ra D còn vay nợ tiền nhiều cá nhân.

Do làm ăn thua lỗ nên đến khoảng tháng 8 năm 2012 D có nhiều khoản nợ đến hạn nhưng không có khả năng chi trả. Trong đó có hợp đồng D đã thế chấp tài sản bằng 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người quen của D để vay khoảng 4,9 tỷ đồng. Trước sự sức ép đòi tiền, đòi tài sản bảo đảm trên và bản thân không có tiền để trả nợ, D đã nảy sinh ý định dùng thủ đoạn gian dối, chiếm đoạt tài sản của Ngân hàng thương mại cổ phần I - chi nhánh C để có tiền trả nợ sau đó bỏ trốn, cụ thể như sau:

Để vay được tiền của Ngân hàng, phải có tài sản bảo đảm, do không có tài sản bảo đảm, D đã tạo lập một kho hàng không bằng cách: D chỉ đạo R, SN 1984, ĐKKH tại tiểu khu U, xã V, huyện W, tỉnh Sơn La và S, SN 1991, ĐKKH tại tổ dân phố X, phường B, quận C, TP Hải Phòng cùng 3 người khác lao động tự do khác (được D thuê thời vụ và không biết địa chỉ cụ thể) cùng nhau cắt, bó 4.561,52kg nhôm thanh định hình vụn thành các bó dài khoảng 34cm đến 37cm. Sau đó, D cùng R lái 02 xe tải của công ty Q, chở số nhôm trên và 4.820kg nhôm còn nguyên bao bì của nhà sản xuất (tổng cộng là 9.381,52kg nhôm) đến kho do D thuê của ông Y, sinh năm 1963, trú tại xã Z, huyện AA, thành phố Hải Phòng được đặt tại thôn 7, xã AB, huyện AA, thành phố Hải Phòng (viết tắt là kho AA). Tại đây, D cùng R, S và 03 người lao động tự do không rõ địa chỉ xếp số nhôm trên tạo thành 04 khối nhôm, mỗi khối nhôm đều có đặc điểm là có 02 mặt ốp vào bờ tường, 01 mặt (đầu hồi) được xếp bởi các bó nhôm ngắn khoảng 30 đến 40cm; 01 mặt chính và mặt trên là những bó nhôm dài đúng như kích cỡ, phía trong các khối nhôm đó đều rỗng ruột, được chèn bằng gỗ, ghế và các vật dụng khác. Trong đó 02 khối có kích thước (6 m x 3,32 m x 2,2 m); 01 khối có kích thước (6m x 10,8m x 2,84 m); 01 khối có kích thước (6m x 4,88m x 2,51 m). Các khối nhôm đều được D chỉ đạo xếp cao hơn đầu người để nhằm mục đích tránh sự kiểm tra và phát hiện của Ngân hàng trong quá trình thẩm định giá trị hàng hóa.

Để hợp thức hóa chứng từ hóa đơn đối với kho hàng không trên, D đã chỉ đạo AC, sinh năm 1983, ở số 6, tổ 1 AD, phường P, quận C, thành phố Hải Phòng; AE, sinh năm 1983, ở 53/106 đường AF, phường AG, quận AH, thành phố Hải Phòng (là nhân viên kế toán) tập hợp những hóa đơn mua hàng của Công ty Q đã mua hàng từ trước đó (nhưng thực tế số hàng trên đã bán); D chỉ đạo AI, sinh năm 1983, ở số 4, dãy B, ngõ 38 AJ, phường AK, quận AL, thành phố Hải Phòng (là nhân viên bán hàng) lập phiếu xuất - nhập kho không đối với kho hàng trên, thể hiện số hàng nhập tại kho trên là nhôm định hình với khối lượng trên 221 tấn, có trị giá trên 19 tỷ đồng. Đồng thời, D chỉ đạo AC lập không Phương án sản xuất kinh doanh và Biên bản họp hội đồng thành viên theo mẫu của Ngân hàng để D và vợ là G - Phó giám đốc Công ty Q ký. Sau khi chuẩn bị xong, D liên hệ với Ngân hàng thương mại cổ phần I - chi nhánh Đồ Sơn lập Giấy đề nghị vay 5,5 tỷ đồng, thời hạn 06 tháng với tài sản thế chấp (bảo đảm) là kho hàng trên.

Sau khi nhận được đơn và hồ sơ xin vay tiền của Hoàng Anh D, khoảng 08 giờ 30 phút ngày 26 tháng 9 năm 2012, tổ thẩm định của Ngân hàng gồm các thành viên ông AM, sinh năm 1975, ĐKHK tại số 230 đường AN, phường AN, quận AL, thành phố Hải Phòng - Phó phòng khách hàng doanh nghiệp; ông AO, sinh năm 1984, ĐKHK tại xóm 3, phường AP, quận AQ, thành phố Hà Nội - cán bộ Phòng quản lý rủi ro, nợ có vấn đề; bà AR, sinh năm 1969, ĐKHK tại số 27, tổ AS, phường P, quận C, thành phố Hải Phòng - cán bộ tín dụng và theo dõi doanh nghiệp và bà AT, sinh năm 1964, ĐKHK tại tổ 3, phường P, quận C, thành phố Hải Phòng - Phó giám đốc Ngân hàng làm tổ trưởng tổ thẩm định tiến hành thẩm định tài sản thế chấp tại kho AA. Căn cứ hồ sơ và các khối nhôm đã xếp trong kho, tổ thẩm định đã tiến hành thẩm định và xác định tổng lượng hàng hóa bảo đảm thông qua việc xác định thể tích của khối hình học thực chứa lượng hàng hóa và ước lượng trọng lượng hàng được chứa trong 1m³ theo quy định tại Quyết định số 1946/2012/QĐ - TGD - NHCT35 ngày 30 tháng 6 năm 2012 của Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần I về Quy trình nhận bảo đảm bằng hàng hóa. Về xác định giá trị kho hàng, tổ định giá áp theo giá ghi tại hóa đơn giá trị gia tăng mà D nhập vào. Kết quả thẩm định, khối lượng hàng hóa còn cao hơn so với báo cáo của Công ty Q nên tổ thẩm định nhất trí xác định lượng nhôm có trong kho là 221.838,33kg (là số lượng do D đã khai báo) và cũng thống nhất về trị giá hàng hóa bảo đảm theo giá mua vào của Công ty Q là 19.153.836.904 đồng.

Ngày 02 tháng 10 năm 2012, D ký Hợp đồng tín dụng số 12031.11 với Ngân hàng, vay 5.5 tỷ đồng, thời hạn 06 tháng, mục đích vay là để mua hàng phục vụ kinh doanh. Do không được phép rút trực tiếp bằng tiền mặt mà phải rút thông qua chuyển khoản thanh toán cho các Hợp đồng, D đã ký hợp đồng mua nhôm định hình, nhôm hộp của Doanh nghiệp tư nhân AU và Công ty TNHH AV, địa chỉ 254 AW, quận AX, thành phố Hà Nội.

Các ngày 02, 03 và 05 tháng 10 năm 2012, toàn bộ 5.5 tỷ đồng được giải ngân hết đến tài khoản của DNTN AU, Chi nhánh giao dịch Công ty TNHH AV. D mua nhôm mới của 02 đơn vị này, đưa về các cửa hàng của công ty để bán. Để thu hồi được tiền mặt, D chỉ đạo bán số nhôm trên với giá bằng hoặc thấp hơn giá mua vào. Số tiền thu về, D đã sử dụng khoảng 4,9 tỷ đồng có lẽ để chuộc lại 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra trả lại cho người đã cho D mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp ngân hàng, phần còn lại D thanh toán một phần cho một số khoản nợ ngoài xã hội và sử dụng vào mục đích cá nhân hết. Đến ngày 26 tháng 02 năm 2013 (cách hạn thanh lý hợp đồng vay tiền trên 20 ngày), D đã cùng vợ và các con bỏ trốn.

Cùng ngày Ngân hàng thương mại cổ phần I - chi nhánh C nhận được thông tin về việc có dấu hiệu Hoàng Anh D có hành vi gian dối, tạo lập kho hàng khống để vay và chiếm đoạt tiền của ngân hàng. Ngày 28 tháng 02 năm 2013, Ngân hàng đã tố cáo hành vi phạm tội của D với Phòng An ninh tài chính tiền tệ Công an thành phố Hải Phòng. Đồng thời, ngày 05 tháng 4 năm 2013, Ngân hàng khởi kiện Công ty Q đến TAND quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng để giải quyết tranh chấp về hợp đồng tín dụng trên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2014, Hội đồng định giá tài sản thành phố Hải Phòng kết luận giám định xác định lượng nhôm có trong kho là 9.381,52kg, tại thời điểm tháng 9 năm 2014 có trị giá là 531.000.000 đồng.

Tại Bản Cáo trạng số 21/CT-VKS-P1 ngày 07 tháng 02 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo Hoàng Anh D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị:

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: Hoàng Anh D từ 13 năm đến 14 năm tù.

- Về dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho Ngân hàng thương mại cổ phần I- chi nhánh C số tiền 4.500.000.000 đồng.

Quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Hoàng Anh D:

Luật sư không tranh luận về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả. Bị cáo có bố đẻ là người có công với Cách mạng, có chú ruột là Liệt sỹ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s, x khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và áp dụng cho bị cáo mức

hình phạt được cải tạo ngoài xã hội để bị cáo có điều kiện khắc phục hậu quả để trả lại cho ngân hàng số tiền còn lại.

Quan điểm của bị hại:

Ông N đại diện cho ngân hàng đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường cho ngân hàng số tiền 4.500.000.000 đồng trong tổng số tiền 5.500.000.000 đồng. Về hình phạt, bị hại đề nghị xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì tranh luận với Kiểm sát viên và có lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh điều kiện của bị cáo xử phạt bị cáo mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, Luật sư, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Tại phiên tòa bị cáo Hoàng Anh D khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và phù hợp với những tài liệu có trong hồ sơ có đủ cơ sở xác định: Do làm ăn thua lỗ có nhiều khoản nợ đến hạn nhưng không có khả năng chi trả nên trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2012 đến tháng 9 năm 2012, Hoàng Anh D đã có hành vi gian dối để chiếm đoạt 5.500.000.000 đồng của Ngân hàng thương mại cổ phần I. Do đó có đủ cơ sở kết luận bị cáo Hoàng Anh D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại mà còn làm mất trật tự an toàn xã hội. Vì vậy, cần phải xét xử nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

- Về tình tiết định khung hình phạt:

[4] Bị cáo Hoàng Anh D do cần tiền để thanh toán nợ, bị cáo đã có hành vi gian dối tạo lập kho hàng không để vay và chiếm đoạt của ngân hàng số tiền 5.500.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm tình tiết định khung quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 “*chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên*”.

- Về hình phạt:

[5] Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện trả cho ngân hàng số tiền 1.000.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Bị cáo có bố đẻ được tặng nhiều Huân, Huy chương kháng chiến, có chú ruột là Liệt sỹ nên bị cáo được áp dụng điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Song cũng xét nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt. Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Hoàng Anh D được Hội đồng xét xử chấp nhận các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015. Không chấp nhận quan điểm của người bào chữa đề nghị áp dụng điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và đề nghị xử bị cáo mức hình phạt cho cải tạo ngoài xã hội mà cần xử bị cáo hình phạt trên mức khởi điểm của khung hình phạt mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

- Về trách nhiệm dân sự:

[6] Ngân hàng thương mại cổ phần I- Chi nhánh C yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.500.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét thấy: Đối với số nhôm thu của bị cáo tại thời điểm thu giữ Hội đồng định giá thành phố Hải Phòng kết luận giám định xác định lượng nhôm trong kho là 9.381,52kg, tại thời điểm tháng 9/2014 có trị giá là 531.000.000 đồng. Nhưng căn cứ vào biên bản bán đấu giá thực tế số nhôm trên chỉ bán được 378.000.000 đồng. Ngày 25/12/2017 tại công văn số 45/CV-CNĐS Ngân hàng Thương mại cổ phần I- Chi nhánh C cũng thống nhất số tiền bán đấu giá là 378.000.000 đồng đối với số nhôm trên. Tại phiên tòa bị cáo và đại diện ngân hàng cũng đồng ý và không có ý kiến gì đối với số nhôm đã bán đấu giá. Tại giai đoạn điều tra bị cáo đã tự nguyện trả cho ngân hàng số tiền 221.000.000 đồng, trước khi xét xử bị cáo đã bồi thường 401.000.000 đồng. Như vậy tổng cộng bị cáo đã bồi thường cho ngân hàng số tiền là 1.000.000.000 đồng (378.000.000đ + 221.000.000đ + 401.000.000đ). Hợp đồng giữa tín dụng giữa bị cáo và ngân hàng đã bị vô hiệu ngay từ đầu vì bị cáo đã gian dối để chiếm đoạt tài sản. Căn cứ Điều 131 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bị cáo còn phải bồi thường cho Ngân hàng thương mại cổ phần I-Chi nhánh C số tiền 4.500.000.000 đồng (5.500.000.000đ – 1.000.000.000đ). Bị cáo chấp nhận bồi thường cho ngân hàng số tiền 4.500.000.000 đồng.

[7] Về vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ: 01 bó nhôm thanh định hình màu vàng gồm 07 thanh có ghi chữ “Đông Á”, 35,5 x 14,5 x 4 cm, 01 bó nhôm thanh định hình màu trắng gồm 20 thanh, không ghi nhãn, kích thước 35,5 x 14 x 5cm, 01 bó nhôm thanh định hình màu trắng gồm 03 thanh ghi chữ “tungshin”, kích thước 35,5x13x7,5cm, 01 bó nhôm thanh định hình màu vàng gồm 05 thanh, không ghi nhãn, kích thước 35,5x12,5x7,5cm. Xét những vật chứng này giá trị sử dụng không lớn nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo **Hoàng Anh D: 13 (Mười ba) năm tù** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án (trừ cho bị cáo các ngày tạm giữ, tạm giam từ 17/11/2014 đến ngày 17/12/2015).

2. *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 131, Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Hoàng Anh D phải bồi thường cho Ngân hàng thương mại cổ phần I- Chi nhánh C số tiền là 4.500.000.000đ (Bốn tỷ năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền bồi thường, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. *Về vật chứng:* Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, xử: Tịch thu tiêu hủy: 01 bó nhôm thanh định hình màu vàng gồm 07 thanh có ghi chữ “Đông Á”, 35,5 x 14,5 x 4 cm, 01 bó nhôm thanh định hình màu trắng gồm 20 thanh, không ghi nhãn, kích thước 35,5 x 14 x 5cm, 01 bó nhôm thanh định hình màu trắng gồm 03 thanh ghi chữ “tungshin”, kích thước 35,5x13x7,5cm, 01 bó nhôm thanh định hình màu vàng gồm 05 thanh, không ghi nhãn, kích thước 35,5x12,5x7,5cm. (Toàn bộ vật chứng có đặc điểm như tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 02 năm 2018 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng)

4. *Về án phí:* Bị cáo Hoàng Anh D phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 112.500.000đ (Một trăm mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo và bị hại (có mặt) được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- Vụ GDKT1 TANDTC;
- VKSND cấp cao;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV 27 Công an thành phố;
- Cục thi hành án Dân sự TPHP;
- Phòng KTNV & THA;
- Sở tư pháp TPHP;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Phương